

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **387/2026/DS-ST**

Ngày: 17-9-2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Sa
2. Bà Phạm Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Sơn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 518/2026/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 498/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

+ Công ty cổ phần J (Trước đây là Công ty cổ phần J); Địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh B; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ

Địa chỉ: E ấp M, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ngân hàng TMCP V;

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường Đ, TP .

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân S – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Pháp lý Khách hàng cá nhân 6.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Vương Lê Vĩnh N; chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ và ông Đặng Minh T1; chức vụ: Chuyên viên cao cấp Xử lý nợ;

Địa chỉ liên hệ: Số B đường N, khóm F, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Đỗ Minh S1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: E, ấp C, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Ngọc D1 và ông Đặng Minh T1 trình bày:

Ông Đỗ Minh S1 ký Hợp đồng cho vay số LN2203285457238 ngày 05/04/2022, tại Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu: KIA, K3 LUXURY, 1.6L, AT sản xuất mới 100%. Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 9.3%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu: KIA, số loại: K3 BD 1.6 AT, biển số 71A-126.86, số khung: RNYFK46A6NC250474, số máy: G4FGME029040 ,do Ông Đỗ Minh S1 đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại V1 theo Hợp đồng thế chấp số LN2203285457238 ngày 05/04/2022 được ký giữa V1 và Ông Đỗ Minh S1. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1451989855, có hiệu lực ngày 05/04/2022 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Ông Đỗ Minh S1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng với Công ty thì Ngân hàng đồng ý bán và Công ty đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là Ông Đỗ Minh S1, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay LN2203285457238 ngày 05/04/2022.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty J kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty J.

Quá trình xử lý khoản vay, Công ty J và Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Công ty J và Ngân hàng tuy nhiên Ông Đỗ Minh S1 không thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Minh S1 đã thanh toán được tổng số tiền là 159.913.895 đồng; trong đó tiền gốc là 89.041.688 đồng, tiền lãi là 70.872.207 đồng.

Tính đến ngày 17/9/2026 ông Đỗ Minh S1 còn nợ Công ty J tổng số tiền là 579.648.987 đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 369.862.481 đồng, lãi trong hạn là 139.857.671 đồng, lãi quá hạn là 69.928.835 đồng.

Tính đến ngày 17/9/2026 ông Đỗ Minh S1 còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 64.405.443 đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 41.095.831 đồng, lãi trong hạn là 15.539.741 đồng, lãi quá hạn là 7.769.871 đồng.

Nay Công ty và Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau:

Buộc ông Đỗ Minh S1 phải thanh toán cho Công ty J tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2026 là 579.648.987 đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 369.862.481 đồng, lãi trong hạn là 139.857.671 đồng, lãi quá hạn là 69.928.835 đồng.

Buộc ông Đỗ Minh S1 phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2026 là 64.405.443 đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 41.095.831 đồng, lãi trong hạn là 15.539.741 đồng, lãi quá hạn là 7.769.871 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Đỗ Minh S1 thực tế thanh toán hết nợ cho Công ty Ngân hàng. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty N1 với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp ông Đỗ Minh S1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số LN2203285457238 ngày 05/04/2022 để thu hồi khoản nợ cho Công ty Ngân hàng, cụ thể là: “Xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại: K3 BD 1.6 AT, biển số 71A-126.86, số khung: RNYFK46A6NC250474, số máy: G4FGME029040, do Ông Đỗ Minh S1 đứng tên sở hữu”.

Số tiền thu được từ việc kê biên phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho Công ty Ngân hàng theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Công ty và Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông **Đỗ Minh S1** để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty và Ngân hàng cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông **Đỗ Minh S1** đến để tiến hành hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông **S1** vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty cổ phần J (gọi tắt là **Công ty J**) và **Ngân hàng TMCP V** (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông **Đỗ Minh S1** trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng giữa các bên đã ký kết nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện đang cư trú tại **xã T, tỉnh Vĩnh Long** nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của **Công ty J** và Ngân hàng có đề nghị xét xử vắng mặt; Ông **Đỗ Minh S1** là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông **S1** vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xét nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Ông **Đỗ Minh S1** ký Hợp đồng cho vay số LN2203285457238 ngày 05/04/2022, tại Ngân hàng số tiền 500.000.000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu: KIA, K3 LUXURY, 1.6L, AT sản xuất mới 100%. Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là: 9.3%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời gian cố định, lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: Xe ô tô nhãn hiệu: KIA, số loại: K3 BD 1.6 AT, biển số 71A-126.86, số khung: RNYFK46A6NC250474, số máy: G4FGME029040, do Ông **Đỗ Minh S1** đứng tên sở hữu. Tài sản được thế chấp tại **V1** theo Hợp đồng thế chấp số LN2203285457238 ngày 05/04/2022 được ký giữa **V1** và Ông **Đỗ Minh S1**. Tài sản thế chấp được đăng ký biện pháp giao dịch bảo đảm theo văn bản chứng nhận số 1451989855, có hiệu lực ngày 05/04/2022 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Việc đăng ký giao dịch bảo đảm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng với **Công ty J** thì Ngân hàng đồng ý bán và **Công ty J** đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là Ông **Đỗ Minh S1**, cụ thể: Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay LN2203285457238 ngày 05/04/2022.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, đồng thời hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng công chứng theo đúng quy định nên các hợp đồng này có hiệu lực pháp luật ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên

[3.2] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông **Đỗ Minh S1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc trực tiếp yêu cầu trả nợ, bàn giao tài sản bảo đảm theo đúng quy định nhưng ông **Đỗ Minh S1** vẫn không thực hiện theo yêu cầu. Do đó, ông **S1** đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và **Công ty J**. Vì vậy, **Công ty J** khởi kiện yêu cầu ông **Đỗ Minh S1** thanh toán tổng số tiền nợ vay tính đến hết ngày 17/9/2026 là 579.648.987 và Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **Đỗ Minh S1** thanh toán tổng số tiền nợ vay tính đến hết ngày ngày 17/9/2026 là 64.405.443 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2026 cho đến khi trả tất nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Đối với Hợp đồng thế chấp LN2203285457238 ngày 05/04/2022 giữa Ngân hàng và ông **Đỗ Minh S1** đã ký kết để đảm bảo cho khoản vay. Các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với nội dung khi có xảy ra ít nhất một sự kiện vi phạm quy định trong hợp đồng thì Ngân hàng được xử lý tài sản bảo đảm. Ông **Đỗ Minh S1** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng và **Công ty J** yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu: KIA, số loại: K3 BD 1.6 AT, biển số 71A-126.86, số khung: RNYFK46A6NC250474, số máy:

G4FGME029040, do Ông **Đỗ Minh S1** đứng tên sở hữu là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và **Công ty J** được chấp nhận nên ông **Đỗ Minh S1** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.000.000 đồng + $(4\% \times 244.054.430 \text{ đồng}) = 29.762.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 295, 299, 301, 303, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần V** và **Công ty Cổ phần J** đối với ông **Đỗ Minh S1** về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, cụ thể:

1.1. Ông **Đỗ Minh S1** phải thanh toán cho **Công ty cổ phần J** tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2026 là 579.648.987 (Năm trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi bảy) đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 369.862.481 (Ba trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi hai nghìn, bốn trăm tám mươi một) đồng, lãi trong hạn là 139.857.671 (Một trăm ba mươi chín triệu, tám trăm năm mươi bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi một) đồng, lãi quá hạn là 69.928.835 (Sáu mươi chín triệu, chín trăm hai mươi tám nghìn, tám trăm ba mươi lăm) đồng.

1.2. Buộc ông **Đỗ Minh S1** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 17/9/2026 là 64.405.443 (Sáu mươi bốn triệu, bốn trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng, cụ thể như sau: nợ gốc là 41.095.831 (Bốn mươi một triệu, không trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm ba mươi một) đồng, lãi trong hạn là 15.539.741 (Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi một) đồng, lãi quá hạn là 7.769.871 (Bảy triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi một) đồng.

1.3. Ông **Đỗ Minh S1** còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong văn bản tín dụng đã ký kể từ ngày 18/9/2026 cho đến khi trả xong nợ cho **Công ty cổ phần J** và **Ngân hàng TMCP V**.

1.4. Trường hợp ông **Đỗ Minh S1** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ

nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V thì Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V, cụ thể là: Xe ô tô nhãn hiệu: KIA, số loại: K3 BD 1.6 AT, biển số 71A-126.86, số khung: RNYFK46A6NC250474, số máy: G4FGME029040, do ông Đỗ Minh S1 đứng tên sở hữu.

Số tiền thu được từ việc kê biên phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, thì Công ty cổ phần J hoặc Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Đỗ Minh S1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần J và Ngân hàng TMCP V cho đến khi thực tế trả hết khoản nợ.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Đỗ Minh S1 phải nộp là 29.762.000 (Hai mươi chín triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn) đồng.

2.2. Thi hành án dân sự tỉnh V hoàn trả lại cho Công ty cổ phần J (Trước đây là Công ty cổ phần J) số tiền 13.372.845 (Mười ba triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm bốn mươi lăm) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010085 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.3. Thi hành án dân sự tỉnh V hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền 1.579.562 (Một triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm sáu mươi hai) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010084 ngày 25/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần J, Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Đỗ Minh S1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Sa Phạm Thị Thu H

Võ Thị Cẩm T2

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 5- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Cẩm Trang

